

CHƯƠNG 2:

**HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ
CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA
THỊ TRƯỜNG**

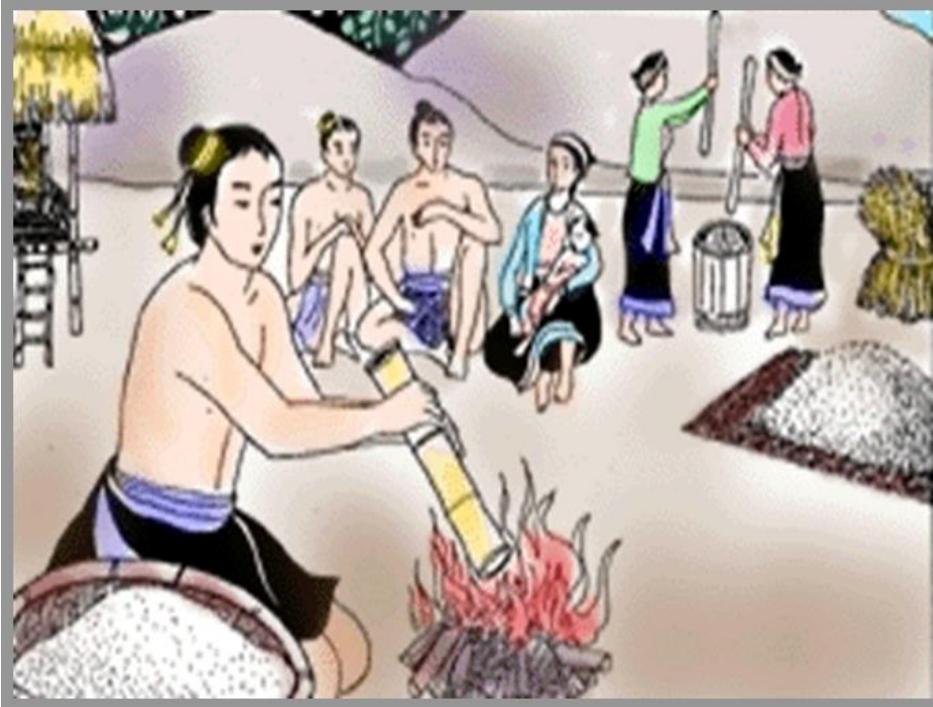
❖ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình: “**Kinh tế chính trị Mác – Lênin**”, Tài liệu tập huấn 2019.
2. Nguyễn Văn Trình, Nguyễn Tiến Dũng, Vũ Văn Nghinh: “**Lịch sử các học thuyết kinh tế**” – NXB Đại học quốc gia TP.HCM
3. Jared Diamond: “**Súng, vi trùng và thép**”, NXB Thế giới, 2018.
4. Liaquat Ahamed: “**Những ông trùm tài chính**”, Nhà Xuất bản Thế giới, 2018
5. Karl Marx: “**Tư Bản**” , **Tập thứ nhất, Quyển 1, phần 1** – NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va, NXB Sự Thật – 1984
6. Yuval Noah Harari: “**Lược sử loài người**”, NXB Tri thức, 2017.

2.1 LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

Sản xuất tự cung tự cấp

Là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm do lao động làm ra nhằm thỏa mãn trực tiếp nhu cầu của người sản xuất ra nó.



Sản xuất tự cung tự cấp tồn tại thời kỳ lực lượng sản xuất kém phát triển, quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Ngành sản xuất chính là săn bắn, hái lượm và nông nghiệp sản xuất nhỏ.

Hiện nay vẫn còn rải rác số rất ít bộ tộc sống tự cung tự cấp, sống dựa chính vào tự nhiên theo hình thức săn bắt và hái lượm.



Hiện nay vẫn còn rải rác số rất ít bộ tộc sống tự cung tự cấp, sống dựa chính vào tự nhiên theo hình thức săn bắt và hái lượm.



Wanggemalo, ngôi làng nhỏ ẩn trong rừng già của tỉnh Papua, **Indonesia** là nơi sinh sống của bộ tộc Kombai và nhiều người bản địa khác.

2.1 LÝ LUẬN CỦA C.MÁC VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

2.1.1 Sản xuất hàng hóa.

Khái niệm: Sản xuất hàng hóa là kiểu tổ chức kinh tế mà sản phẩm được sản xuất ra để trao đổi mua bán trên thị trường.



Sản xuất hàng hóa đưa loài người thoát khỏi tình trạng mông muội, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội

❖ Sự phát triển của nền sản xuất hàng hóa



So sánh sản xuất tự cung tự cấp

và sản xuất hàng hóa

Nội dung so sánh	Sản xuất tự cung tự cấp	Sản xuất hàng hóa
Mục đích sản xuất	Thoả mãn nhu cầu của chính người sản xuất.	Thoả mãn nhu cầu của người sản xuất, người tiêu dùng.
Phương thức và công cụ	Sản xuất nhỏ, phân tán với công cụ lao động thủ công, lạc hậu.	Sản xuất lớn, tập trung chuyên môn hoá với công cụ sản xuất ngày càng hiện đại.
Tính chất và môi trường sản xuất	Tự cung, tự cấp, không có cạnh tranh.	Sản xuất để bán, cạnh tranh gay gắt.
Phạm vi sản xuất	Khép kín trong nội bộ của một đơn vị kinh tế	Kinh tế mở, thị trường trong nước gắn với thị trường quốc tế.

Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

Thứ nhất: Phân công lao động xã hội

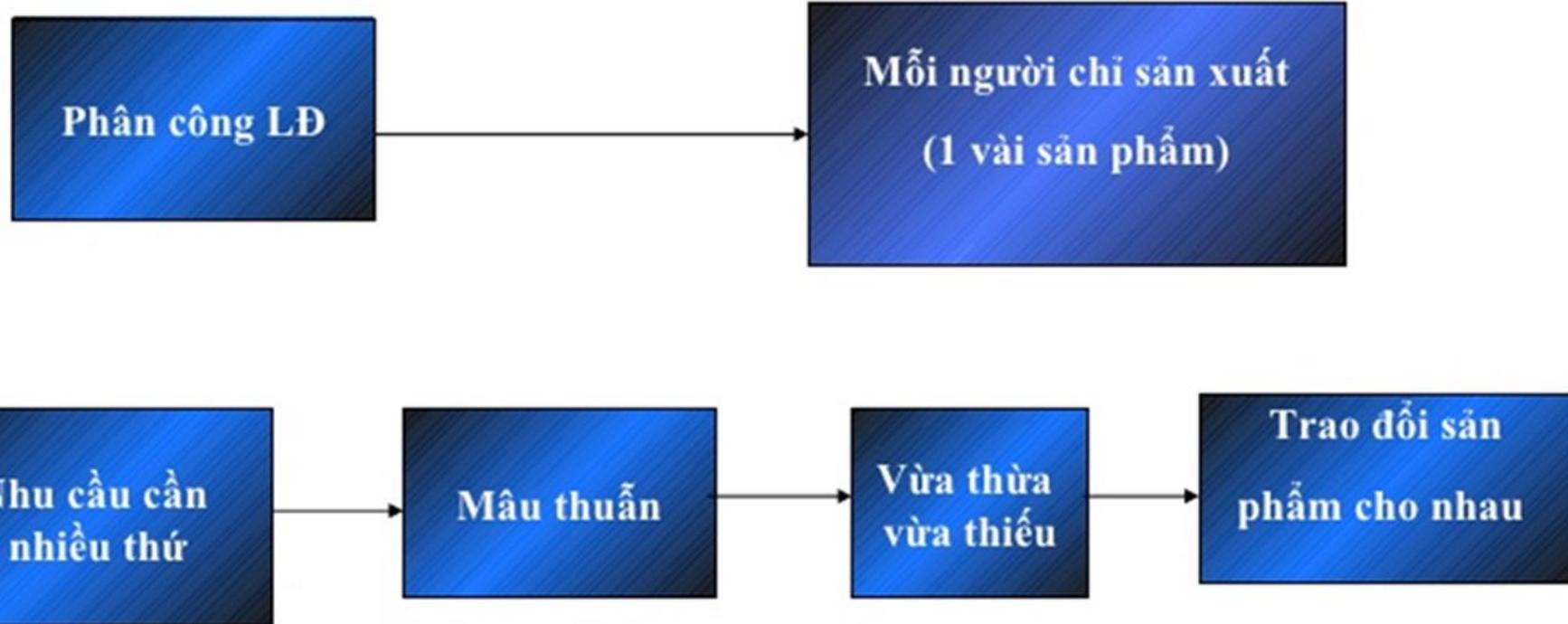


Chuyên môn hóa lao động,
dẫn đến chuyên môn hóa sản xuất

Xuất hiện
nhiều ngành
nghề

Vì sao phân
công lao động
xã hội là cơ sở
của sản xuất và
trao đổi?

Vì sao phân công lao động XH là cơ sở của sản xuất và trao đổi?



Điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa

Thứ hai: Sự tách biệt về mặt kinh tế của các chủ thể kinh tế.



Trong lịch sử, sự tách biệt giữa các chủ thể dựa trên sự tách biệt về mặt sở hữu.



Người này muốn tiêu dùng sản phẩm người khác phải thông qua trao đổi, mua bán.



“Chỉ có sản phẩm của những lao động tư nhân độc lập và không phụ thuộc vào nhau mới đối diện với nhau như là những hàng hóa” [5;222]

SXHH giản đơn khác biệt như thế nào so với SXHH lớn (TBCN)?

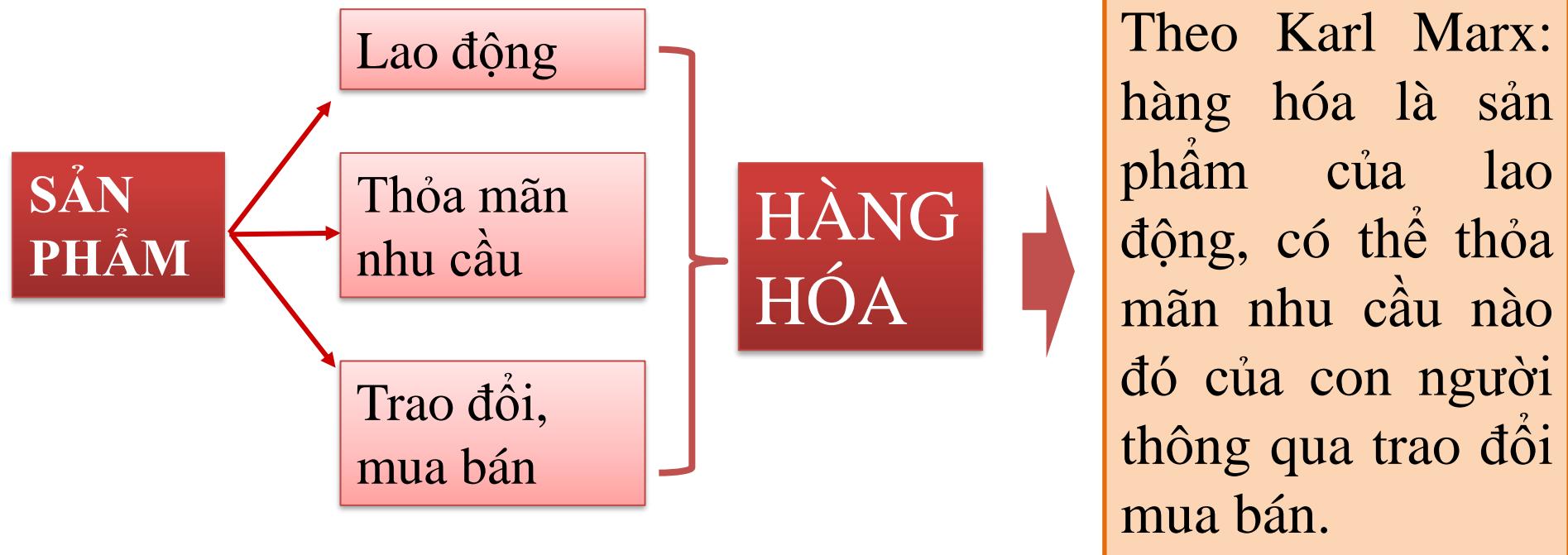
Trong nền SX HH giản đơn Người sản xuất đồng thời cũng là người sở hữu sản phẩm vì TLSX thuộc về người SX.

Trong nền SX HH lớn người Sx tạo ra sản phẩm nhưng sản phẩm không thuộc về họ, vì TLSX không thuộc về người SX.

2.1 LÝ LUẬN CỦA KARL MARX VỀ SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ HÀNG HÓA

2.1.2 Hàng hóa

- 1/ Sản phẩm trở thành hàng hóa phải có các điều kiện nào ?
- 3/ Hàng hóa là gì?



So sánh giữa sản phẩm và hàng hóa

Sản phẩm

- (1) Là sản phẩm của lao động
- (2) Có ích (thỏa mãn nhu cầu nào đó con người)

Hàng hóa

- (1) Là sản phẩm của lao động
- (2) Có ích (thỏa mãn nhu cầu nào đó con người)
- (3) Được trao đổi, mua bán

➤ Kết luận:

- Mọi hàng hóa đều là sản phẩm nhưng mọi sản phẩm không phải là hàng hóa
- Sản phẩm được gọi là hàng hóa khi chúng được trao đổi, mua bán

“Trong mọi trạng thái xã hội, sản phẩm lao động đều là một vật phẩm tiêu dùng, nhưng chỉ có một thời kỳ phát triển lịch sử nhất định mới biến sản phẩm lao động thành hàng hóa” [5;85]

❖ Loại xe: sedan 5 chỗ

Phân khúc: B

Động cơ: 2NR-FE

Dung tích: 1.5

Công suất: 107 mã lực
104Nm

Kích thước:

4425x1730x1425mm

.....

Phân tích mặt chất và lượng của hàng hóa?

Hai thuộc tính của hàng hóa



- Vios 1.5 G (CVT)
- Năm SX: 2019
- Giá: 550 tr đồng

**Chất: tính có ích
của hàng hóa**



**Giá trị sử dụng của
hàng hóa**

**Lượng: lượng lao động
hao phí để làm ra hàng
hóa**



**Giá trị của hàng
hóa**

**Hai thuộc tính
của hàng hóa**

Giá trị hàng hóa.

10 kg
Gạo



=



2m
Vải

Hao
phí
LĐ
trong
8 giờ



Hao
phí
LĐ
trong
8 giờ

10 kg gạo = 2m vải = 8 giờ lao động xã hội

**Hàng hóa không có giá trị (giá trị sử dụng) sẽ
không có giá trị trao đổi và ngược lại**

Muốn xác định được
giá trị phải đi từ giá
trị trao đổi.

Giá trị hàng hóa

- ❖ Vải và lúa trao đổi được với nhau vì chúng có cơ sở chung giống nhau - *đều là sản phẩm của lao động.*
- ❖ Vải và lúa trao đổi theo tỷ lệ nhất định vì lao động hao phí để tạo ra vải và lúa là bằng nhau 8 giờ.

Giá trị hàng hóa

- Giá trị của hàng hóa là **lao động xã hội** của **người sản xuất hàng hóa** “**kết tinh**” trong hàng hóa đó. **Giá trị là phạm trù lịch sử.**



- Sản phẩm nào không có lao động kết tinh trong đó thì sản phẩm đó không có giá trị
- Sản phẩm hao phí lao động càng nhiều thì giá trị càng cao
- Giá trị trao đổi là hình thức biểu hiện của giá trị. Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi. Giá trị HH biểu hiện ra bên ngoài thị trường thông qua giá trị trao đổi ta gọi là giá cả.

- Giá cả hàng hóa



❖ Giá trị và giá cả

Giá cả là chỉ số đại lượng giá trị hàng hóa, là chỉ số của tỷ lệ trao đổi giữa hàng hóa và tiền.

- Giá cả ít khi thống nhất với giá trị mà xoay quanh giá trị theo quy luật của cung cầu

- (1) cung = cầu: giá cả = giá trị
- (2) cung > cầu: giá cả < giá trị
- (3) cung < cầu: giá cả > giá trị



Theo Karl Marx, có những thứ không có giá trị nhưng lại có giá cả...

Giá trị sử dụng hàng hóa



Tiêu
dùng
cho
sản
xuất



Tiêu
dùng
cho
gia
đình



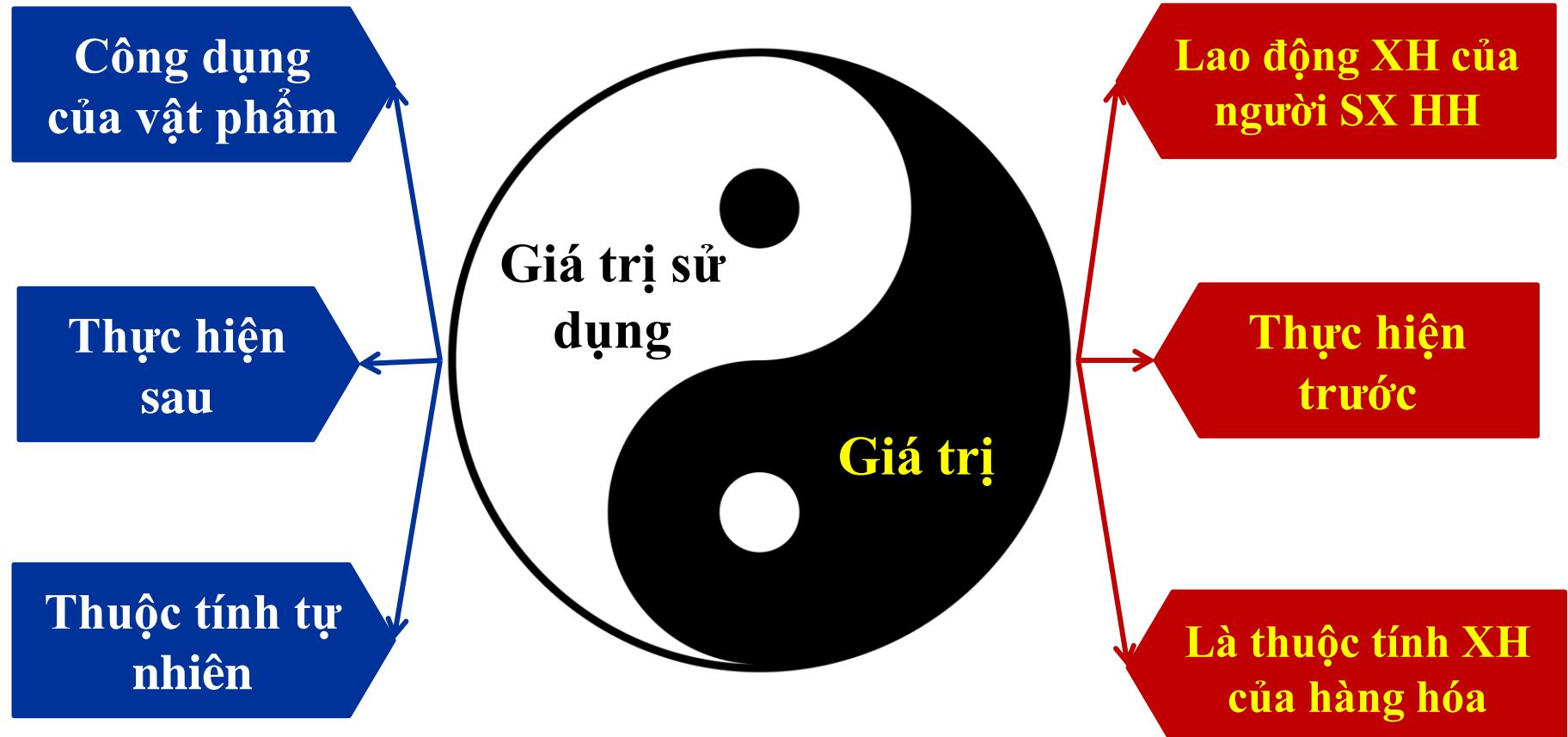
Định nghĩa

Giá trị sử dụng của HH là công dụng của vật phẩm, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

Đặc trưng giá trị sử dụng hàng hóa

- Hàng hóa có thể có nhiều công dụng.
- Giá trị sử dụng do thuộc tính tự nhiên của vật quyết định.
- Giá trị sử dụng là một phạm trù vĩnh viễn.
- Xã hội ngày càng phát triển hàng hóa ngày càng phong phú và đa dạng.

❖ **Mối quan hệ giữa GTSD và giá trị hàng hóa**



❖ Mối quan hệ giữa GTSD và giá trị hàng hóa

➤ Giá trị và giá trị sử dụng là 2 mặt đối lập, 2 thuộc tính của hàng hóa. Bất kỳ hàng hóa nào cũng chứa đựng 2 thuộc tính này.

➤ Hàng hóa có giá trị sử dụng thì mới có giá trị và ngược lại. Hàng hóa có giá trị sử dụng càng cao thì có giá trị càng cao và ngược lại.

➤ Trường hợp có giá trị sử dụng nhưng không có giá trị, đó là sản phẩm, không phải là hàng hóa.



Lượng giá trị của hàng hóa và các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa

Câu: Phân tích mặt chất và lượng **của hàng hóa?** (Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa?) Tránh nhầm lẫn câu bên dưới.

Câu: Phân tích mặt chất và lượng của **lượng giá trị hàng hóa?.....**

Khái niệm: Giá trị của HH là **lao động XH** của người SXHH kết tinh trong HH đó.

- ❖ Giá trị hàng hóa được xét cả mặt chất và lượng.
- ❖ Xét mặt chất: giá trị của hàng hóa là lao động trùu tượng của người SXHH kết tinh trong hàng hóa.
- ❖ Xét mặt lượng: giá trị của hàng hóa được đo lường bởi thời gian lao động xã hội cần thiết.

Thước đo lượng giá trị của hàng hóa

Lượng giá trị
của hàng hóa



Lượng thời gian lao động xã hội cần
thiết để sản xuất hàng hóa đó



Thời gian lao
động xã hội
cần thiết



Thời gian cần để SXHH trong những
điều kiện SX bình thường của XH tức là
trình độ LĐ trung bình, tay nghề trung
bình, cường độ LĐ trung bình.



Định nghĩa: Lượng giá trị của một đơn vị hàng hóa là lượng
thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra đơn
vị hàng hóa đó.

CÔNG THỨC TÍNH TGLĐXH CẦN THIẾT

$$\text{TGLĐXHCT} \equiv \frac{t_1m_1 + t_2m_2 + t_3m_3 + \dots}{m_1 + m_2 + m_3 + \dots}$$

t_1, t_2, t_3, \dots thời gian lao động cá biệt của từng đơn vị SX

m_1, m_2, m_3, \dots khối lượng sản phẩm của từng đơn vị cung ứng cho thị trường

Các nhóm
SXHH

I
II
III
IV

Chi phí TGLĐ
để SX một đơn
vị HH A (giờ)

3
4
5
6

Số lượng HH
A do mỗi
nhóm SX đưa
ra thị trường

300
400
600
800

TGLĐXHCT
quyết định lượng
giá trị của một đơn
vị HH A (giờ)

4.9

I
II
III
IV

3
4
5
6

300
400
600
800

6

Cấu thành lượng giá trị của hàng hóa

$$W = c + v + m$$

Trong đó:

c: giá trị TLSX đã tiêu dùng, gồm 2 bộ phận
 c_1 là giá trị tài sản cố định

c_2 là giá trị nguyên, nhiên, vật liệu đã tiêu dùng

v+m: là giá trị mới (là hao phí lao động sống của người sản xuất). Trong đó, v: là giá trị sức lao động hay tiền lương

m: là giá trị thặng dư

$$W = \text{giá trị cũ (c)} + \text{giá trị mới (v+m)}$$

Ví dụ:

$$W = c + v + m$$

$$W = 100 + 20 + 20 = 140 \text{ đ}$$



Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

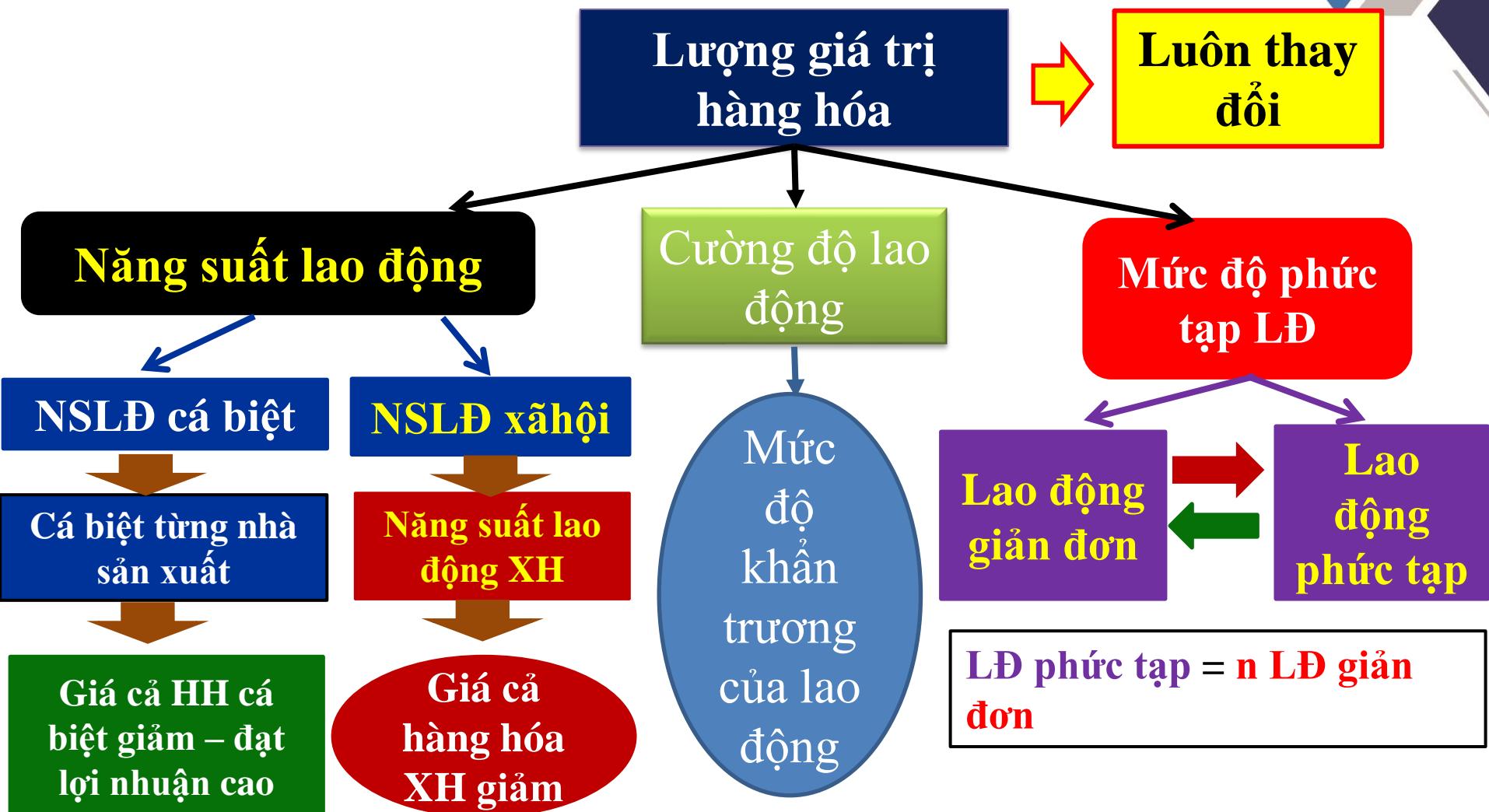
Nokia 3310
(2017)
Giá: 1,2tr



Nokia 8250
(2003)
Giá: 3,2tr

Điều gì đã làm lượng giá trị của hàng hóa thay đổi ?

Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa.



- Giả sử ở TB: $1g \rightarrow 1sp \rightarrow 1d$.
- Tăng NSLĐ gấp 4 lần, $1g \rightarrow 4sp \rightarrow 0,25 d$
- Tăng cường độ LĐ: $1g \rightarrow 1sp \rightarrow 1d$, $8g \rightarrow 8 sp \rightarrow 8d / 12g - 12sp - 12d$

❖ Năng suất lao động

NSLĐ là năng lực sản xuất của lao động, được tính bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian hoặc số lượng thời gian cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm



$$\text{NSLĐ xã hội} = \frac{\text{Tổng sản phẩm trong nước (GDP)}}{\text{Tổng số người làm việc bình quân}}$$

❖ Năng suất lao động

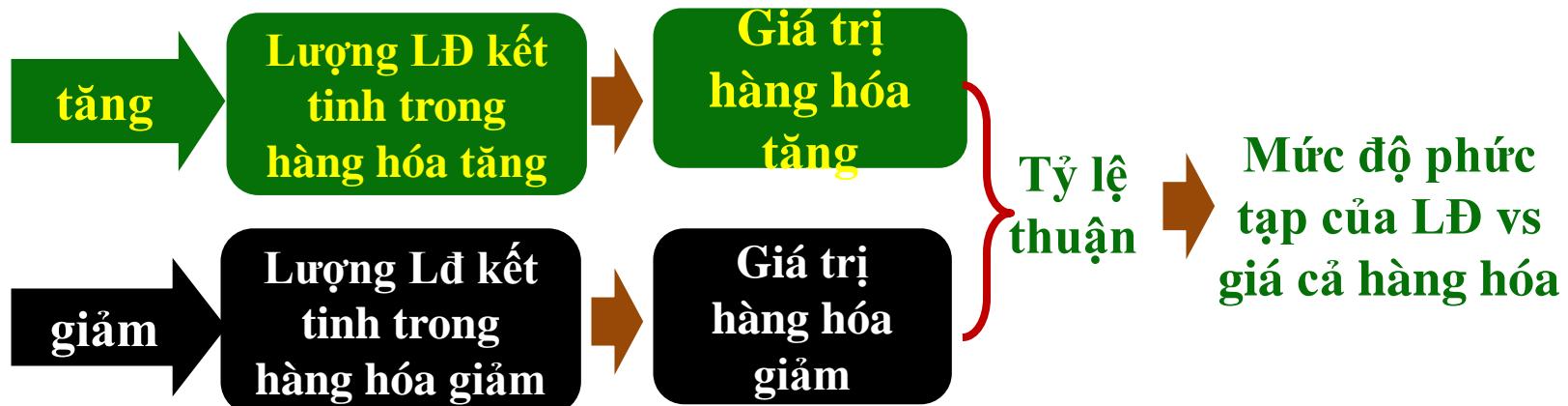


Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị hàng hóa.

NSLĐ



Mức độ phức tạp LĐ



Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa

Phân tích tính hai mặt của LĐSX HH? Mối quan hệ giữa LĐSX HH với 2 thuộc tính của HH? Tại sao LĐSX HH vừa mang tính XH vừa mang tính tư nhân?

Hàng hóa có 2 thuộc tính: Giá trị và GTSD.

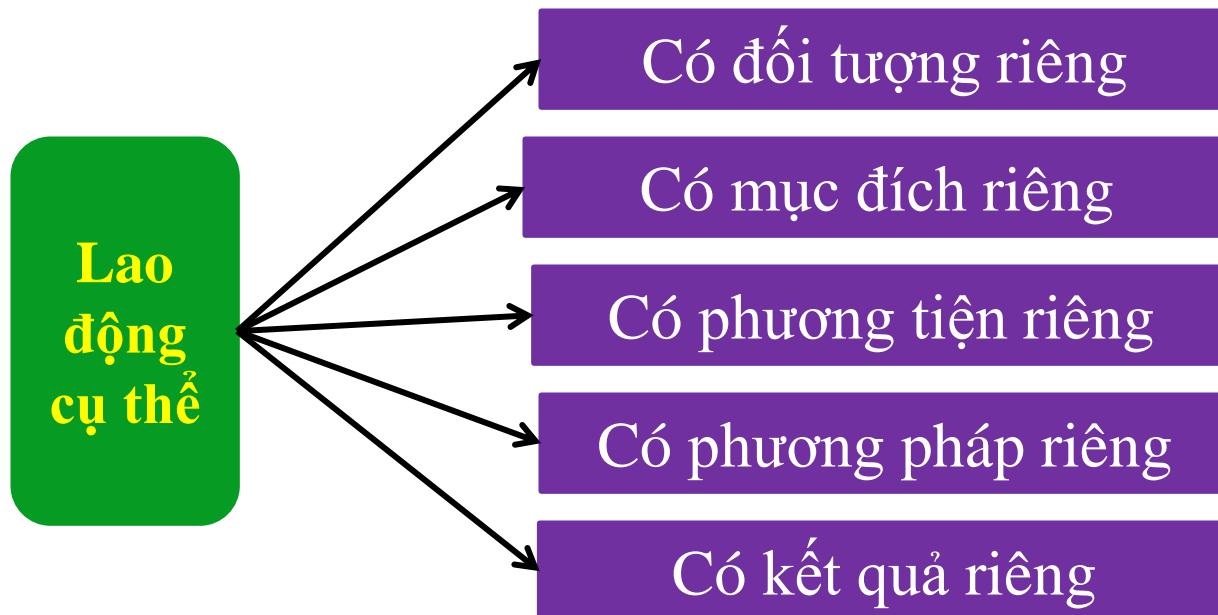
Hai thuộc tính của HH là do tính chất hai mặt của lao động SXHH quyết định.

Lao động cụ thể và lao động trừu tượng

- **Lao động cụ thể:** là lao động có ích dưới hình thức cụ thể của nghề nghiệp, chuyên môn nhất định.



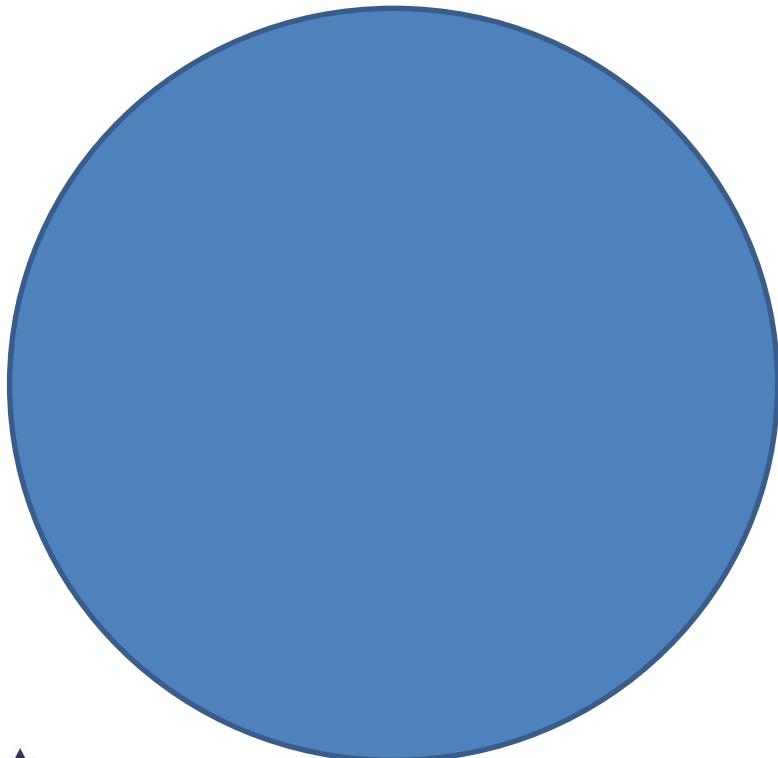
- Lao động cụ thể



Cùng với nội dung vật chất cấu thành của sản phẩm.
Lao động cụ thể là một trong 2 yếu tố tạo ra giá trị sử dụng của hàng hóa.

Tính hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.

- Lao động trừu tượng: là lao động của người sản xuất hàng hóa khi đã gạt bỏ những hình thức cụ thể của nó.



Hao phí
sức lực



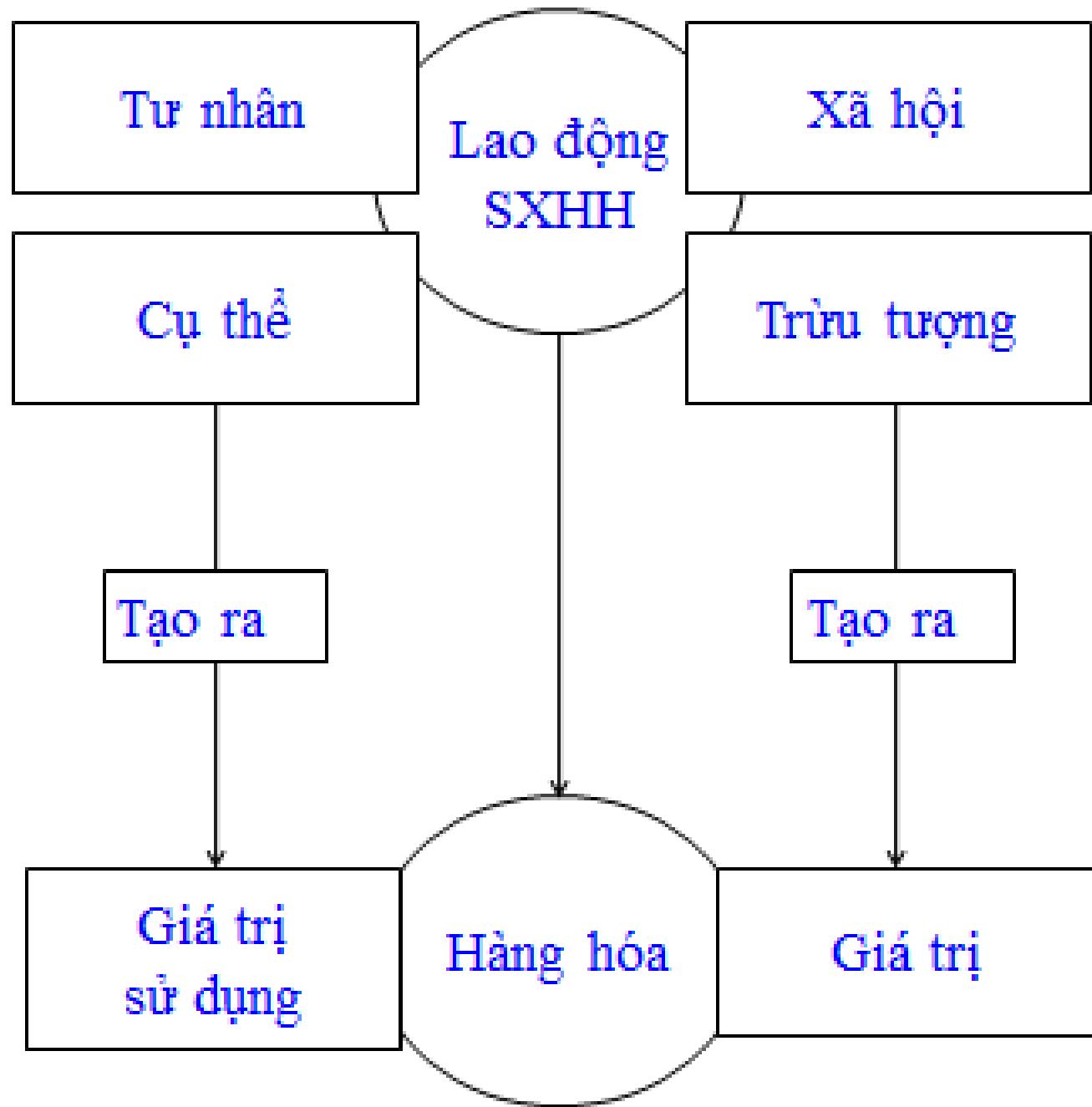
LAO
ĐỘNG
TRÙU
TƯỢNG



GIÁ
TRỊ
HÀNG
HÓA



Hao phí
thần kinh



Tính chất hai mặt của LĐSXHH vừa là LĐ cụ thể, vừa là LĐ trừu tượng có quan hệ với tính chất tư nhân và tính chất xã hội của LĐSXHH.

Tính tư nhân

Người SX tự quyết định:

SX cái gì

SX như thế nào

SX cho ai

Tính xã hội

Hao phí lao động nói chung của người SXHH (lao động trừu tượng).



Tính chất hai mặt của LĐSXHH thể hiện tính tư nhân và tính xã hội của LĐSXHH -> mâu thuẫn với nhau làm cho nền SXHH vừa vận động vừa phát triển đồng thời cũng tiềm ẩn khả năng khủng hoảng.



- ❖ Tại sao LD của ng SXHH vừa mang tính tư nhân, vừa mang tính XH, vì: Mang tính XH do sp làm ra để cho xh, đáp ứng nhu cầu của xh. Mặc khác, do sự tách biệt tương đối về mặt kinh tế nên LD của ng SXHH đồng thời cũng mang tính tư nhân, vì việc sx cái gì, sx ntn, bán cho ai là công việc riêng, mang tính độc lập của mỗi người. Tính tư nhân đó phù hợp hay kg phù hợp với tính chất xh, đây chính là >< cơ bản của SXHH. Theo C. Mác thì >< giữa LD tư nhân và LD XH là cơ sở, là mầm móng của khủng hoảng kte ở SXHH TBCN.



BÀI TẬP

Trong 10 giờ nhà máy A sx được 20 sp, có tổng giá trị là 100 USD. Hỏi giá trị của tổng sp làm ra trong ngày là bao nhiêu và giá trị của 1 sp là bao nhiêu, nếu:

- a. Năng suất lao động tăng lên 2 lần
- b. Cường độ lao động tăng lên 2 lần



- ❖ 10g-> 20sp-> 100k => $1\text{sp} = 100/20 = 5\text{k}$
- ❖ NSLD tang 2: 10g -> 40sp-> 100k => $1\text{sp} = 100/40 = 2,5\text{ k}$
- ❖ CDLD tang 2: 20g -> 40sp-> 200k => $1\text{sp} = 200/40 = 5\text{ k}$

2.1.3. Tiền tệ

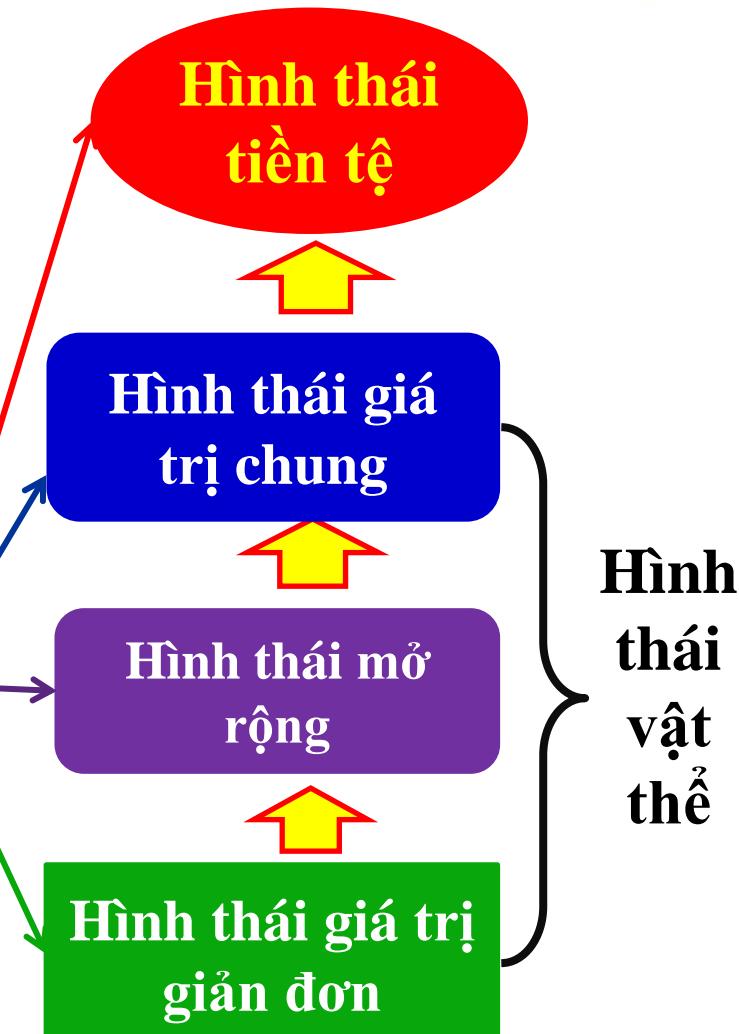
Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

Tiền là kết quả của quá trình phát triển sản xuất và trao đổi hàng hóa, là sản phẩm của sự phát triển các hình thái giá trị từ thấp đến cao.



Kết tinh

Giá trị hàng hóa



Hình thái tiền tệ

Hình thái giá trị chung

Hình thái mở rộng

Hình thái giá trị giản đơn

Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Hình thái giản đơn hay ngẫu nhiên.



Giá trị của vải được biểu hiện ở thóc và ngược lại. Tỷ lệ trao đổi chưa thể cố định. Hình thái này có 3 đặc điểm:

- Giá trị sử dụng trở thành hình thức biểu hiện giá trị,
- Lao động cụ thể trở thành hình thức biểu hiện giá trị
- Lao động tư nhân trở thành hình thức biểu hiện lao động xã hội

Nguồn gốc và bản chất của tiền

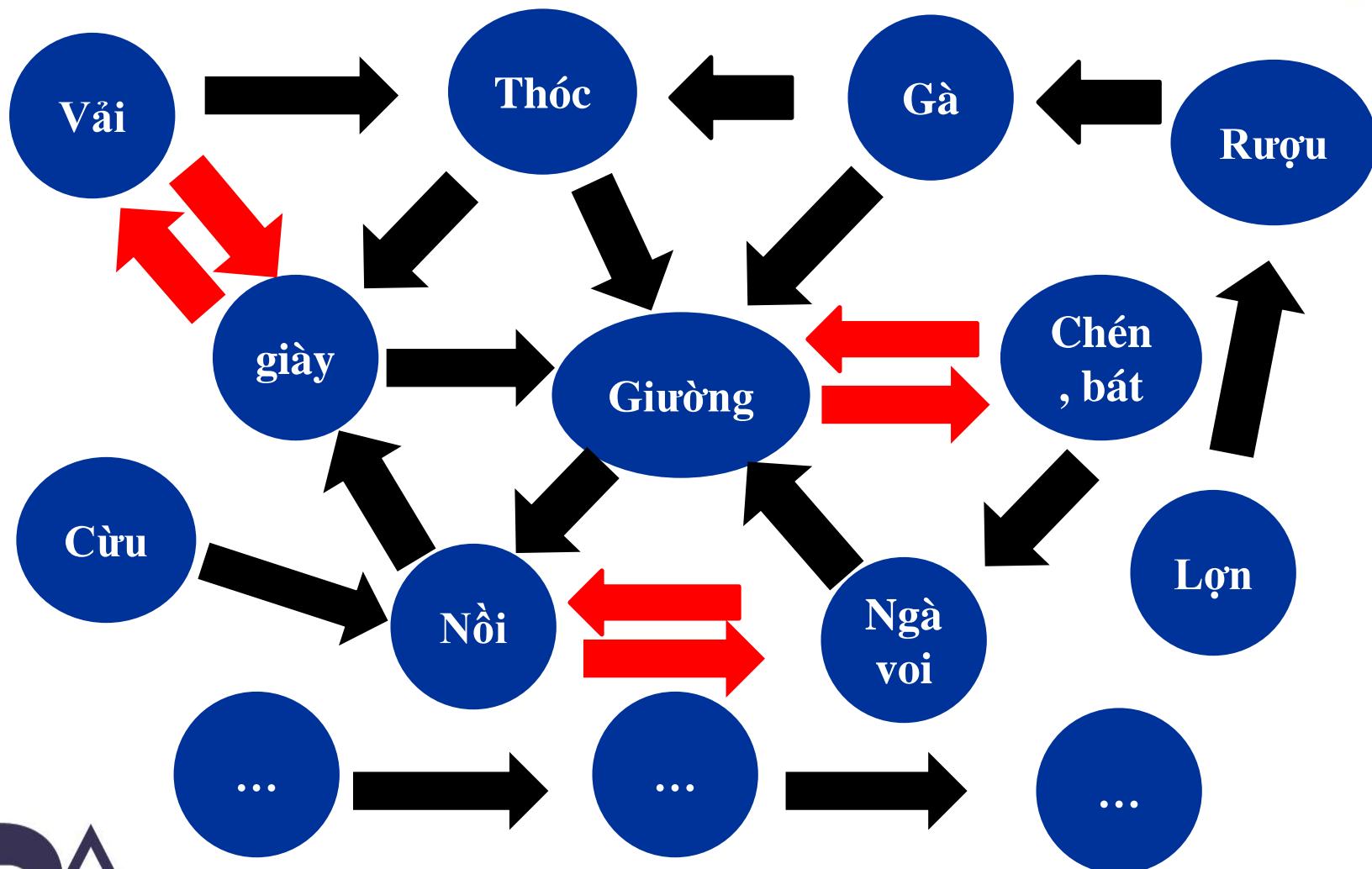
- Hình thái mở rộng của giá trị.



Giá trị của 1 hàng hóa được biểu hiện ở giá trị sử dụng của nhiều hàng hóa. 1 vài loại hàng hóa đóng vai trò vật ngang giá chung

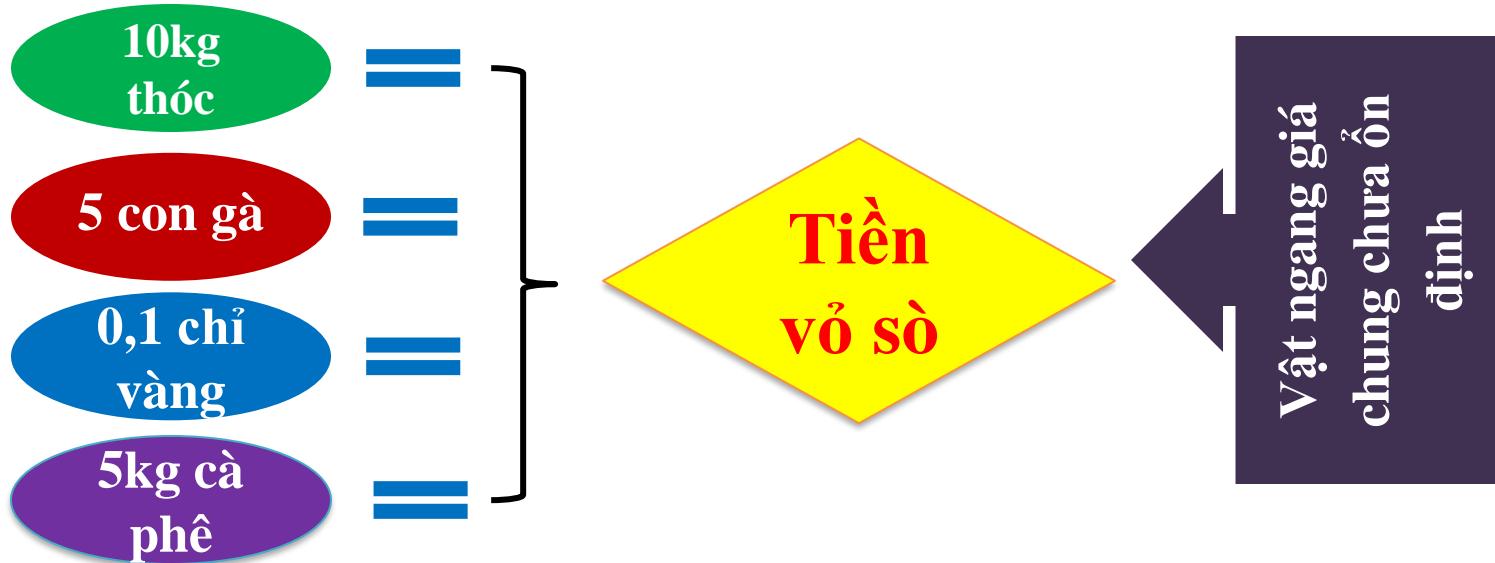
Tỷ lệ trao đổi cố định hơn, nhưng vẫn là trao đổi trực tiếp

- Hình thái mở rộng của giá trị



Nguồn gốc và bản chất của tiền

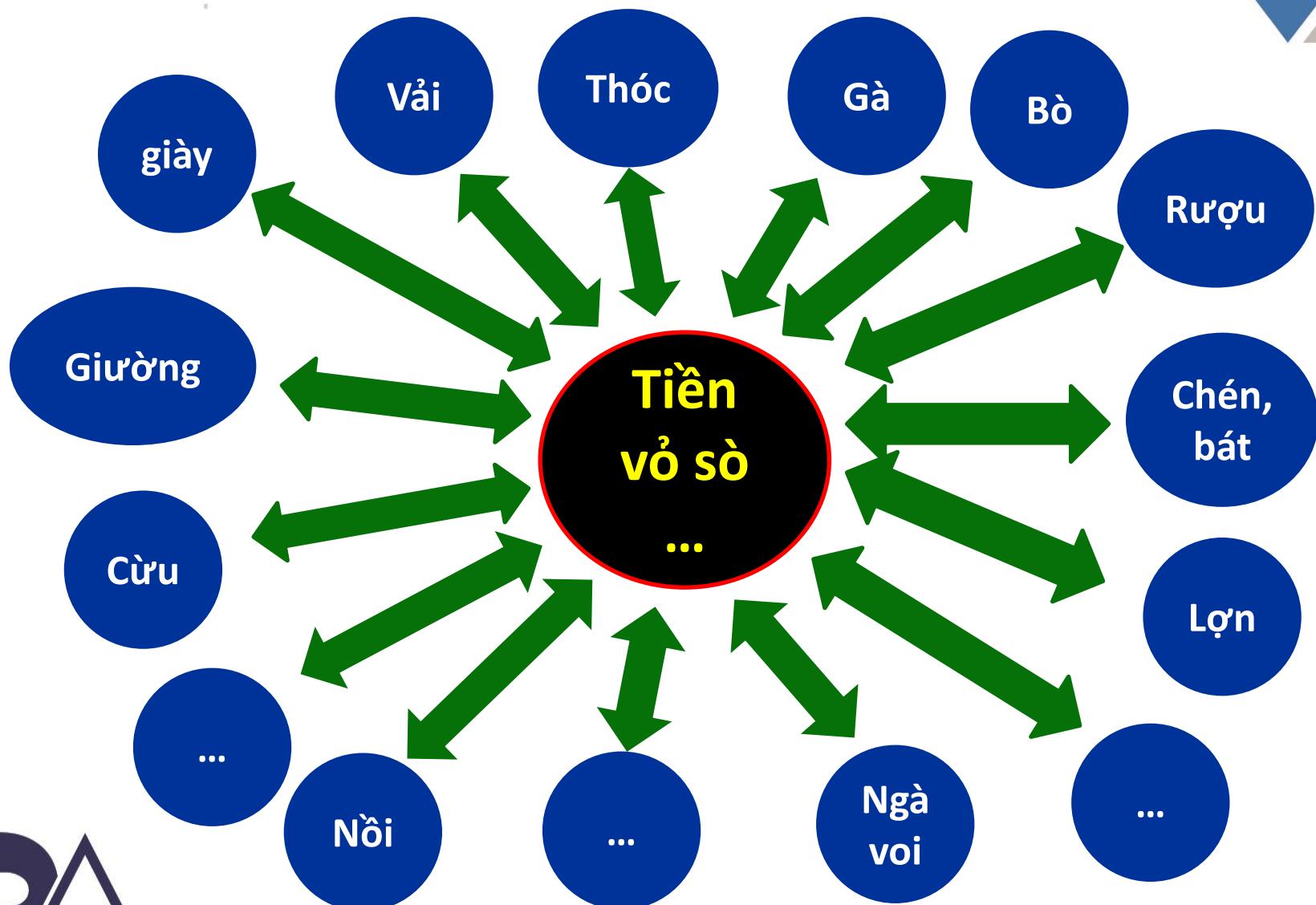
- Hình thái chung của giá trị



Ở các địa phương khác nhau, vật ngang giá chung khác nhau: **tiền vỏ sò, tiền hạt cacao, tiền thuốc lá...**

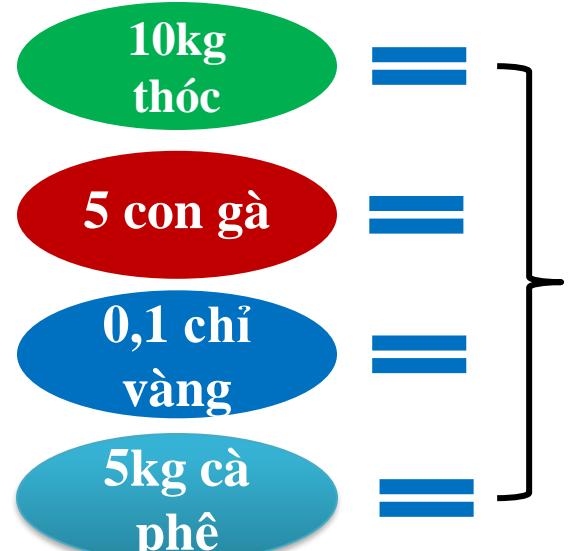
Giá trị của mọi hàng hóa đều được biểu hiện ở giá trị sử dụng của một hàng hóa đóng vai trò vật ngang giá chung

- Hình thái chung của giá trị



Nguồn gốc và bản chất của tiền

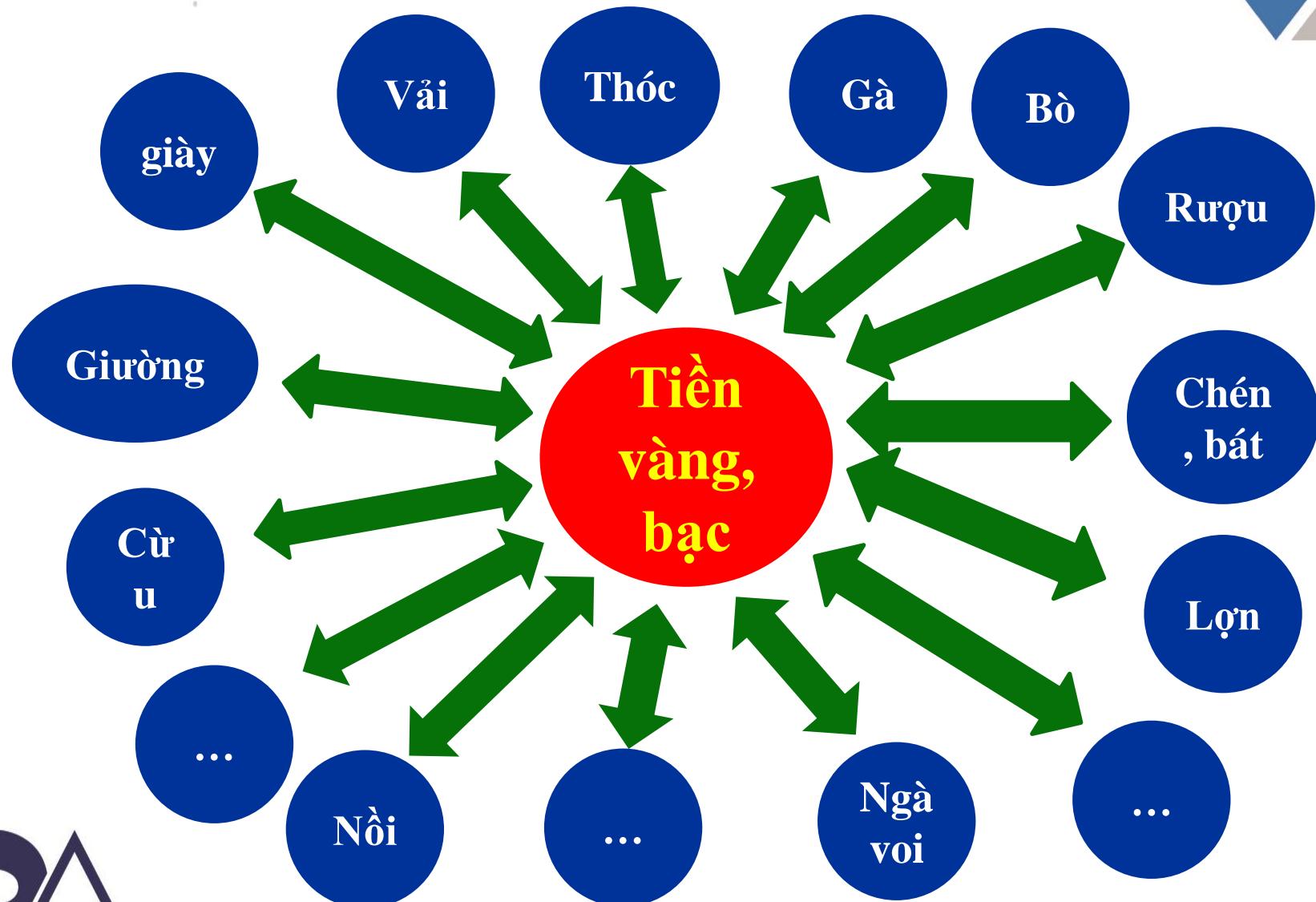
- Hình thái tiền tệ.



Vật ngang giá
chung ổn định



- Hình thái tiền tệ



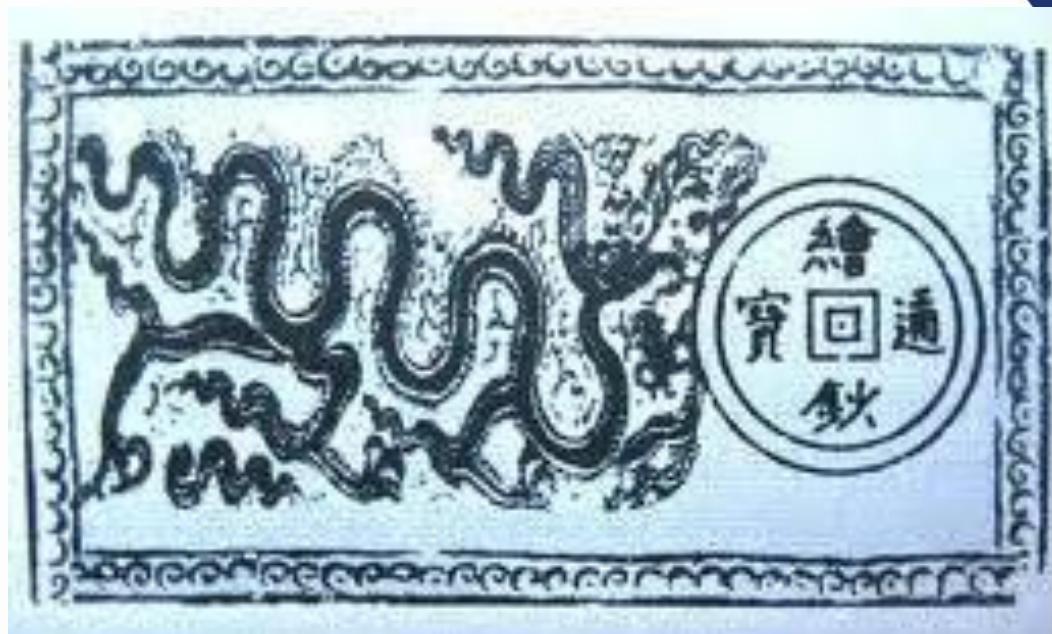
Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Hình thái tiền tệ.



Đồng tiền cuối cùng của triều đại phong kiến Việt Nam với bốn chữ "Bảo Đại Thông Bảo" (保大通寶) Bảo Đại (1925-1945); mặt kia ghi "thập văn" tức mệnh giá 10 đồng

Nhà Đinh (968-981) là triều đại người Việt đầu tiên đúc tiền với niên hiệu *Thái Bình*



Tiền giấy thời nhà Hồ “ Thông bảo hội sao”

Tại sao phải là vàng và bạc?



- Tiền là phương tiện trao đổi phổ quát nhất và hiệu quả nhất của sự tin cậy lẫn nhau từng được phát minh ra.
- Chúng ta có thể khác nhau về **ngôn ngữ, tín ngưỡng, văn hóa...** có thể bất đồng nhưng tất cả có niềm tin chung về tiền. Nếu không có niềm tin chung này, mạng lưới giao thương toàn cầu không hoạt động được.

Nguồn gốc và bản chất của tiền

- Bản chất của tiền.



Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt, được tách ra từ thế giới hàng hóa làm vật ngang giá chung trong tất cả các hàng hóa đem trao đổi.

- Bản chất của tiền.

Khi tiền tệ ra đời, thế giới hàng hóa chia làm 2 cực. Một cực là tất cả những hàng hóa thông thường, một cực là thứ hàng hóa đóng vai trò tiền tệ.

❖ Hai tư cách của vàng

Hàng hóa thông thường

GTSD: làm đồ trang sức,
nguyên liệu nhiều ngành
khác

Giá trị: do lượng lao động xã
hội cần thiết để sản xuất ra
vàng quy định

Hàng hóa đặc biệt

GTSD: vật ngang giá
chung trong trao đổi

Giá trị: mang hình thái giá
trị xã hội trực tiếp, giá trị
của nó được biểu hiện tất cả
các hàng hóa

Các hình thức tiền tệ

(2) Tiền vàng

- Tiền vàng xuất hiện đầu tiên vào những năm 685 - 652 (TK thứ 7) trước công nguyên ở vùng Lidia - Tiểu Á, đồng tiền vàng có in hình nổi để đảm bảo giá trị.
- Thế kỷ 16 nhiều nước sử dụng vàng làm tiền, có nước vừa sử dụng tiền vàng, vừa sử dụng tiền bạc.
- Tiền vàng trở nên thông dụng và lưu thông phổ biến vào thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.
- Ngày nay, vàng được đưa vào dự trữ cho các quốc gia và cá nhân. Đồng thời nó được sử dụng trong thanh toán quốc tế cho một số trường hợp: XNK hàng hoá tiểu ngạch, trả tiền mua hàng hoá khi quốc gia đó không được vay nợ, số chênh lệch trong thanh toán clearing...

Các hình thức tiền tệ

(4) Tiền giấy

- Tiền được làm bằng nguyên liệu giấy.
- Tiền giấy được phát hành từ các triều đại phong kiến: Trung Hoa đời nhà Tống thế kỷ 11, ở Việt Nam thời vua Hồ Quý Ly thế kỷ 15.
- Giấy bạc ngân hàng là loại tiền giấy thực sự cần thiết cho lưu thông xuất hiện từ đầu thế kỷ 17 ở Hà Lan, do Ngân hàng Amstecdam phát hành.
- Ngày nay, Ngân hàng Trung ương các nước đều phát hành giấy bạc ngân hàng vào lưu thông.



2.1.3. Tiền tệ

- **Chức năng của tiền tệ**
- Thước đo giá trị
- Phương tiện lưu thông.
- Phương tiện cất trữ.
- Phương tiện thanh toán
- Tiền tệ thế giới.



- Phương tiện thanh toán

- Phương tiện thanh toán đi vào lưu thông nhưng chỉ đi vào sau khi hàng hóa đã ra khỏi lưu thông rồi.
- Khi tín dụng càng phát triển thì chức năng phương tiện thanh toán của tiền càng mở rộng.
- Mỗi quốc gia đều quy định những kỳ hạn thanh toán chung nào đó. Những kỳ hạn đó cũng quy định cả những khoản thanh toán không phải do việc lưu thông hàng hóa để ra, chẳng hạn như thuế, địa tô...

- Phương tiện cất trữ

-Rất nhiều thứ quý báu không thể dự trữ được chặng hạn như thời gian và nhan sắc. Một số thứ có thể dự trữ trong thời gian ngắn như trái cây chặng hạn. Những thứ khác có thể dự trữ dài hơn nhưng đòi hỏi cơ sở vật chất và chăm sóc tốn kém. Tiền bất kể tiền giấy hay vàng bạc làm rất tốt chức năng này. Tuy nhiên, cần chú ý đến yếu tố lạm phát ở tiền giấy.

- Phương tiện lưu thông

H – T – H'



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

1. USD



➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

2.
Euro



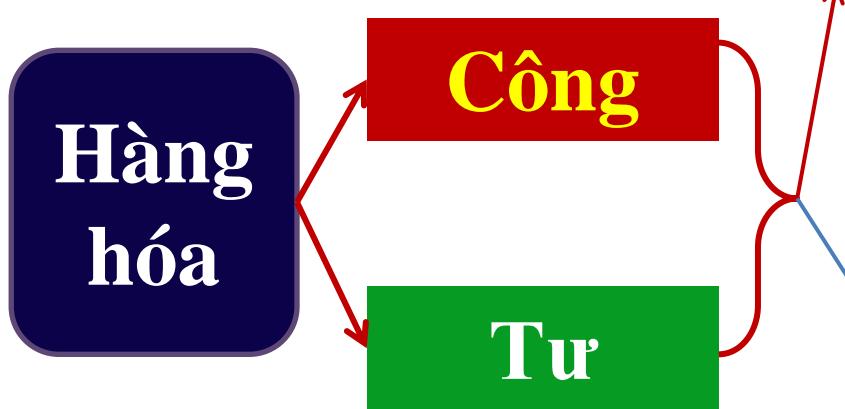
➤ Những đồng tiền mạnh nhất hiện nay

3.
Bảng



2.1.4 Dịch vụ và một số loại hàng hóa đặc biệt

Phân loại hàng hóa



Hữu
hình

Vô
hình

Có thể cầm nắm,
VD: nhà cửa, xe cộ,
quần áo, máy
móc...

Có thể cảm nhận
được
VD: uy tín, phát
minh, thương
hiệu.



2.2 THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

2.2.1 Thị trường

2.2.1.1 Khái niệm và vai trò của thị trường

- Theo nghĩa hẹp: thị trường là nơi diễn ra hành vi trao đổi, mua bán hàng hóa giữa các chủ thể với nhau.



Sự hình thành thị trường đòi hỏi phải có:

Đối tượng trao đổi, mua bán: hàng hóa, dịch vụ

Đối tượng tham gia trao đổi: bên bán và bên mua

Điều kiện thực hiện trao đổi: khả năng thanh toán

2.2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường

- Theo nghĩa rộng: thị trường là tổng hòa các mối quan hệ liên quan đến trao đổi, mua bán hàng hóa trong xã hội, được hình thành do những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội nhất định.



Như vậy, *điều quan tâm nhất của bên bán là tìm ra nơi trao đổi, tìm nhu cầu và khả năng thanh toán của các sản phẩm, dịch vụ mà nhà sản xuất dự định cung ứng hay không*. Còn đối với bên mua, họ lại *quan tâm tới việc so sánh những sản phẩm dịch vụ mà bên bán thỏa mãn đúng yêu cầu và thích hợp với khả năng thanh toán của mình đến đâu*.

❖ Phân chia thị trường



2.2.1.1. Khái niệm và vai trò của thị trường

Vai trò của thị trường

(1). Thị trường là điều kiện, môi trường cho sản xuất phát triển



Thị trường là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, vì vậy thị trường có vai trò thông tin, định hướng cho mọi nhu cầu sản xuất kinh doanh



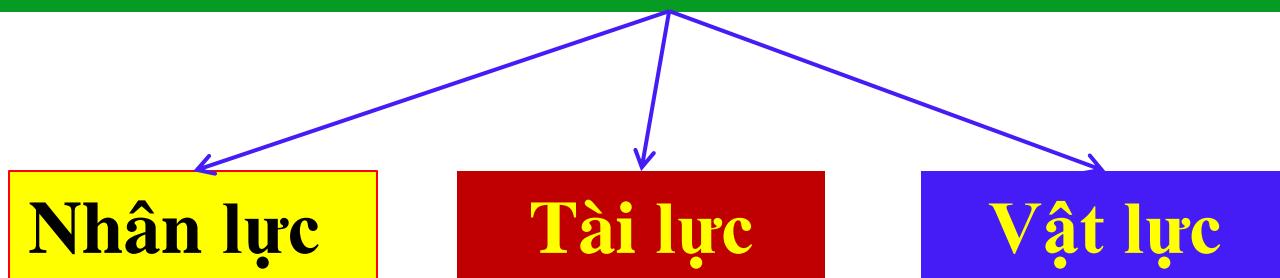
Giá cả thị trường có vai trò thông tin rất quan trọng cho người cung ứng.

Vai trò của thị trường

(2). Thị trường kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong xã hội, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả trong nền kinh tế



Thị trường phân bổ nguồn lực hiệu quả



Vai trò của thị trường

(3). Thị trường gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới.

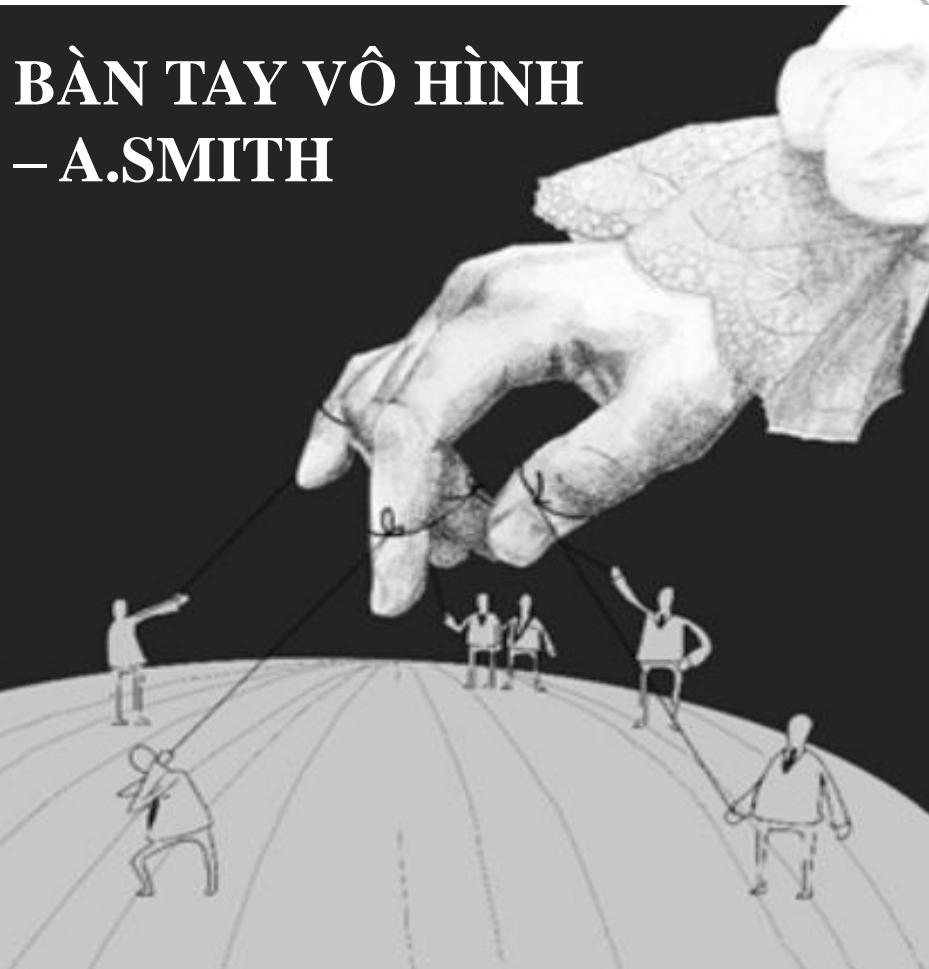


2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường

Cơ chế thị trường: là hệ thống các quan hệ kinh tế mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền kinh tế theo yêu cầu của các quy luật kinh tế



Dấu hiệu đặc trưng của cơ chế thị trường là cơ chế hình thành giá cả do thị trường quyết định.



2.2.1.2. Cơ chế thị trường và nền kinh tế thị trường.

Nền kinh tế thị trường: là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai, giá cả bao nhiêu do thị trường quyết định.



Sự hình thành kinh tế thị trường là khách quan. Kinh tế thị trường phát triển từ thấp đến cao từ sơ khai đến hiện đại. Kinh tế thị trường là thành tựu chung của nhân loại.

Đặc trưng của kinh tế thị trường

Đặc trưng

Nhiều chủ thể tham gia, nhiều hình thức sở hữu, các chủ thể bình đẳng trước pháp luật

Thị trường đóng vai trò quyết định trong phân bổ các nguồn lực xã hội thông qua hoạt động của các thị trường bộ phận

Giá cả do thị trường quyết định

Lợi nhuận là động lực của các chủ thể kinh doanh

Nhà nước thực hiện khắc phục những khuyết tật của thị trường.

Thị trường gắn với nền kinh tế mở.

Ưu thế và khuyết tật của kinh tế thị trường

**Ưu
thế**

Tạo ra động lực mạnh mẽ cho các chủ thể kinh tế

Luôn phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của mọi chủ thể...

Luôn tạo ra các phương thức để thỏa mãn tối đa nhu cầu của con người, từ đó thúc đẩy tiến bộ, văn minh xã hội



Khuyết tật

Ưu thế và khuyết tật của kinh tế thị trường

Luôn tìm ẩn rủi
ro khủng hoảng

Tài nguyên cạn
kiệt, suy thoái
môi trường tự
nhiên và xã hội

Không khắc
phục được sự
phân hóa sâu
sắc trong xã hội



2.2.1.3. Một số quy luật chủ yếu của thị trường

Quy luật giá trị.



Nội dung: Việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết



Quy luật giá trị

Tác động của Quy luật giá trị



1. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

2. Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thúc đẩy LLSX phát triển

3. Phân hóa giàu nghèo

Quy luật cung – cầu

Cung

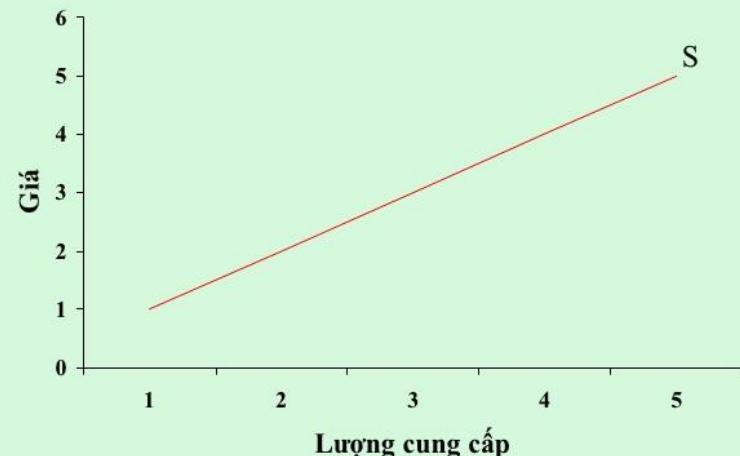


Cung là **số lượng** hàng hóa, dịch vụ mà người bán có khả năng và sẵn sàng bán ở các mức **giá** khác nhau trong một thời gian nhất định



Cung bao gồm khả năng và ý muốn sẵn sàng bán

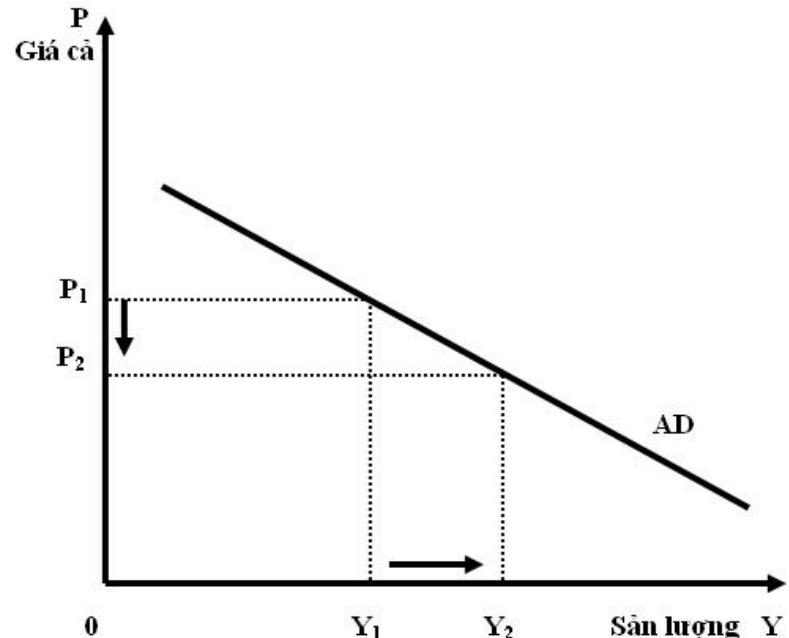
Đường cung



Quy luật cung – cầu

Cầu

Cầu là **số lượng** hàng hóa, dịch vụ mà người mua có khả năng và sẵn sàng mua ở các mức **giá** khác nhau trong một thời gian nhất định



Cầu bao gồm khả năng và ý muốn sẵn sàng mua

Cầu ≠ nhu cầu

Quy luật cung – cầu

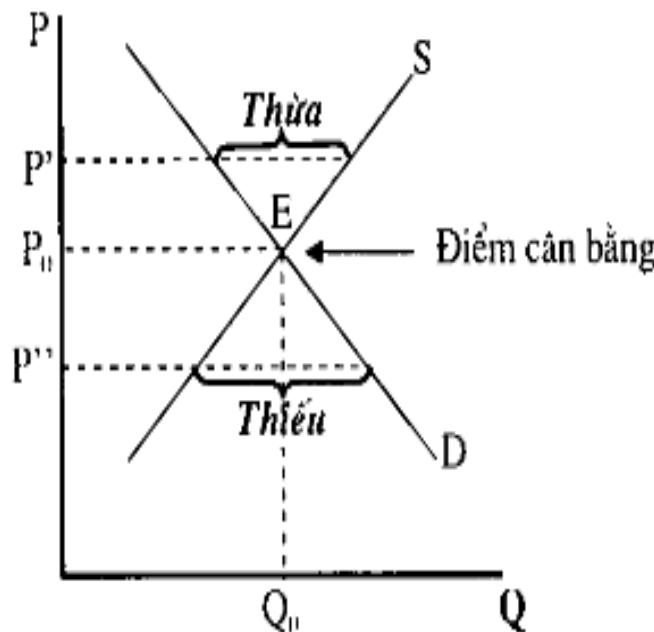
Quy luật cung – cầu tác động lẫn nhau ảnh hưởng đến giá cả.



Cung = cầu: giá cả = giá trị
Cung > cầu: giá cả < giá trị
Cung < cầu: giá cả > giá trị



Điều tiết quan hệ sản xuất
và lưu thông hàng hóa.



Hình 1.5: Sự cân bằng cung cầu

Quy luật lưu thông tiền tệ

$$M = \frac{P \cdot Q}{V}$$

M: số lượng tiền cần thiết trong lưu thông

P: là mức giá cả

Q: Khối lượng hàng hóa dịch vụ đưa ra lưu thông

V: số vòng lưu thông của đồng tiền

Thanh toán không dùng tiền mặt

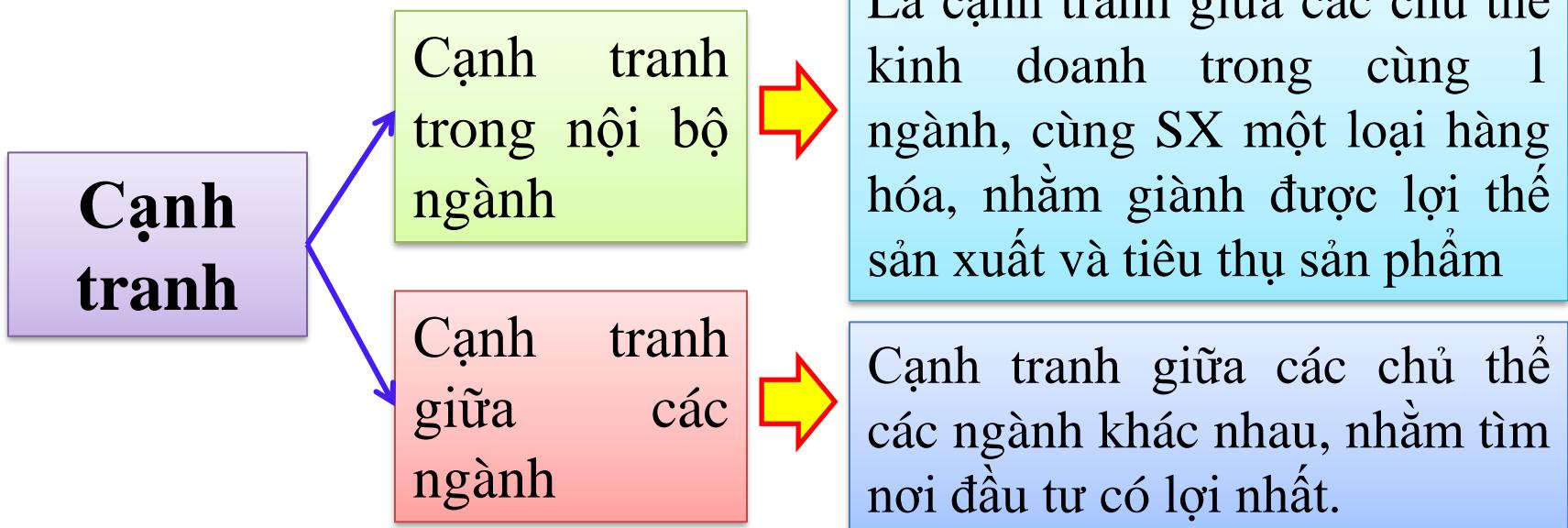
$$M = \frac{P \cdot Q - (G1 + G2) + G3}{V}$$

$$\text{Số lượng tiền cần thiết cho lưu thông} = \frac{\text{Tổng giá cả hàng hóa} - \left(\text{Tổng giá cả hàng hóa bán chịu} + \text{Tổng giá cả hàng hóa khẩu trừ cho nhau} \right) + \text{Tổng giá cả hàng hóa bán chịu đến kỳ thanh toán}}{\text{Số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ}}$$



Quy luật cạnh tranh

Cạnh tranh là sự ganh đua giữa những chủ thể kinh tế với nhau nhằm có được những ưu thế về sản xuất cũng như tiêu thụ và thông qua đó thu được lợi ích tối đa



❖ Cạnh tranh trong nội bộ ngành

Biện pháp cạnh tranh: các doanh nghiệp ra sức cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, hạ thấp giá trị cá biệt của hàng hóa...



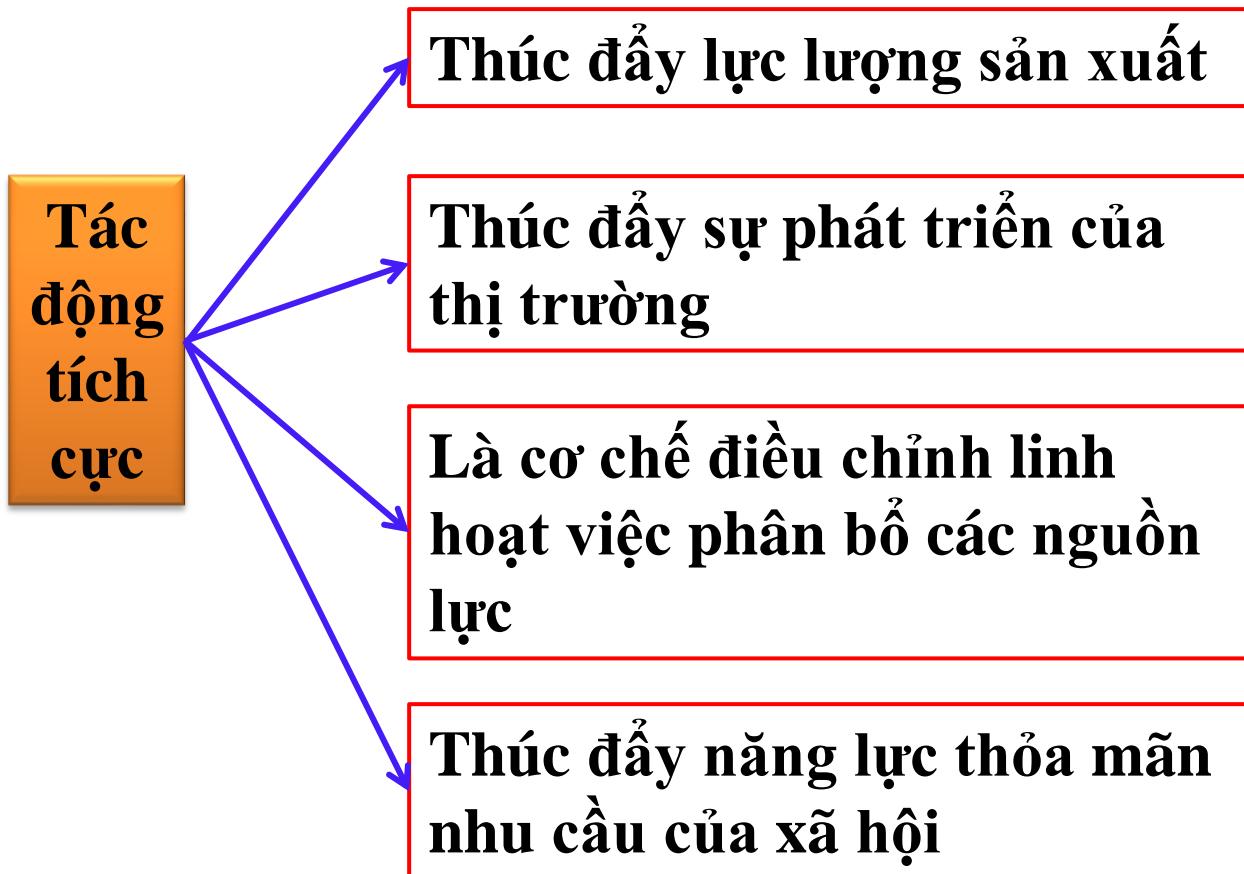
Kết quả cạnh tranh trong nội bộ ngành là hình thành giá trị thị trường (giá trị xã hội) của từng loại hàng hóa

Giá trị thị trường



Giá cả thị trường

❖ Tác động của cạnh tranh.



❖ Tác động của cạnh tranh.

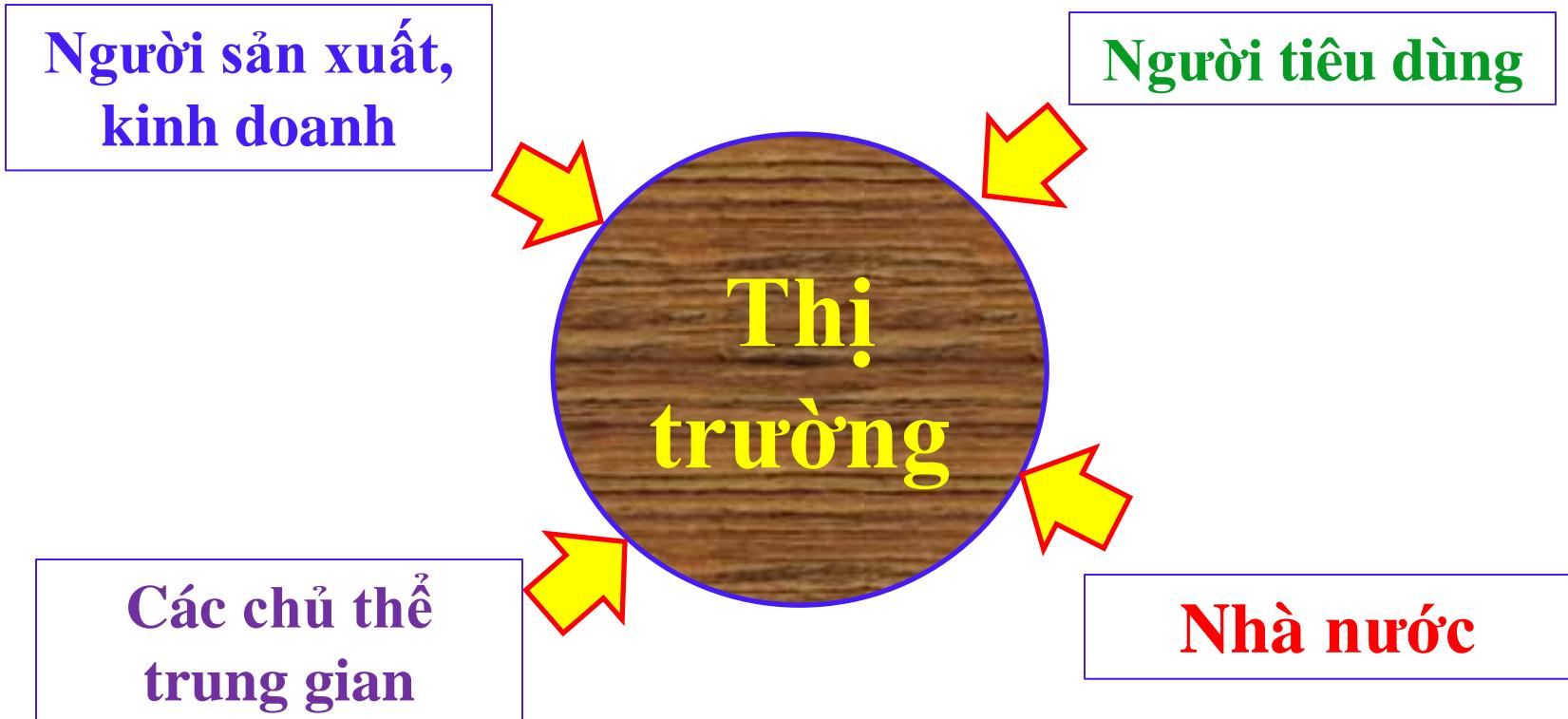
Tác
động
tiêu
cực

Gây tổn hại môi trường kinh doanh nếu
cạnh tranh không lành mạnh

Cạnh tranh không lành mạnh gây lãng phí
nguồn lực xã hội

Cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại
phúc lợi xã hội

2.2.2 Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường



**CHÂN THÀNH
CẢM ƠN!**